

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

%

	Chỉ số giá tháng 7 năm 2020 so với:				Chỉ số giá bình quân 7 tháng năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)
	Kỳ gốc 2014	Tháng 7 năm 2019	Tháng 12 năm 2019	Tháng 6 năm 2020	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	120.11	103.53	99.85	100.57	103.46
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	129.26	115.09	106.87	99.58	111.57
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	124.43	114.89	112.52	99.18	107.11
Thực phẩm	129.08	117.04	104.90	99.51	113.55
Ăn uống ngoài gia đình	135.02	108.95	108.77	100.22	109.13
Đồ uống và thuốc lá	111.44	101.25	101.22	100.00	100.45
May mặc, mũ nón và giày dép	132.17	101.71	100.42	100.03	102.15
Nhà ở và vật liệu xây dựng	97.73	93.85	91.17	101.98	97.22
Thiết bị và đồ dùng gia đình	108.52	101.69	100.82	100.02	101.88
Thuốc và dịch vụ y tế	285.79	103.45	100.05	100.00	103.48
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	333.30	103.75	100.00	100.00	103.75
Giao thông	85.83	83.05	83.89	104.90	88.32
Bưu chính viễn thông	100.59	100.13	99.98	100.06	99.94
Giáo dục	112.86	101.52	100.06	100.00	101.77
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	112.77	100.81	100.00	100.00	100.81
Văn hoá, giải trí và du lịch	108.91	97.57	97.31	100.08	98.59
Hàng hóa và dịch vụ khác	118.48	105.18	103.33	100.12	106.66
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	145.80	132.30	120.25	103.96	126.31
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	104.72	95.70	100.17	99.78	96.00